

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025/ Hanoi, June 20, 2025

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Thành viên lập quỹ và Quý Nhà Đầu tư

- State Securities Commission of Vietnam, Ho Chi Minh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, Authorized Participants and Investors

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương /Techcom Capital Joint Stock Company

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Fund Management company*:

- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/*Bank for Investment and Development of Vietnam - Hathanh branch*

- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*:

OUŤ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 / *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*:

FUETCC50

- Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address:*

Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội/ 20th Floor, Techcombank Building, No. 6 Quang Trung Street, Tran Hung Dao Ward, Hoan Kiem District, Hanoi City.

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange date:*

19/06/2025

- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: *1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoàn đối | *ETF/ Components and weighting:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng CP/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Security symbol	Volume/ Amount	Weighting
I. Chứng khoán/ Stock		1,054.795.000	98.30%
1	ACB	2,500	4.96%
2	CTG	500	1.87%
3	DCM	100	0.34%
4	DGC	200	1.82%
5	DIG	200	0.32%
6	DPM	100	0.36%
7	EIB	900	1.93%
8	FPT	700	7.63%
9	GEX	400	1.30%
10	GMD	200	1.03%
11	HCM	400	0.96%
12	HDB	1,500	3.07%
13	HPG	2,000	5.06%
14	HSG	200	0.31%
15	IDC	300	1.16%
16	KBC	300	0.70%
17	KDH	200	0.56%
18	LPB	1,600	4.76%
19	MBB	1,700	3.97%
20	MSB	1,200	1.35%
21	MSN	500	3.15%
22	MWG	700	4.16%
23	NLG	200	0.71%
24	PDR	300	0.50%
25	PLX	100	0.36%
26	PNJ	100	0.75%
27	POW	100	0.12%
28	PVS	300	1.00%
29	SAB	100	0.46%
30	SHB	2,000	2.45%
31	SHS	700	0.85%
32	SSB	800	1.34%
33	SSI	500	1.10%
34	STB	1,100	4.84%
35	TCB	2,600	7.95%
36	TPB	900	1.12%
37	VCB	500	2.64%
38	VCG	200	0.39%
39	VCI	200	0.67%
40	VHM	600	3.99%
41	VIB	1,200	2.02%
42	VIC	700	5.74%
43	VJC	100	0.82%
44	VND	400	0.62%
45	VNM	500	2.61%
46	VPB	2,200	3.79%
47	VRE	300	0.69%
II. Tiền/ Cash (VND)		18.284.811	1.70%
III. Tổng/ Total (III= I+II)		1.073.079.811	100.00%

Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF*:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>basket value</i> (VND):	1,054,795,000
- Giá trị tài sản ròng của lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i> (VND):	1,073,079,811
- Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i> (VND):	18,284,811
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ <i>Plan to reduce the spread (if any)</i> :	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component	
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại	

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):*

Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VNĐ) Cash amount is replaced for 1 shares (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do Reason
TCB	36,080	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định tại TT121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
MSN	74,250	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư do Cổ đông lớn của công ty mẹ/ Restriction due to the major shareholder of the parent company
VCI	39,325	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietCap (VIETCAP)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
HCM	28,380	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
MBB	27,555	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
TCB	36,080	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	19,855	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*

Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations (if any):*

Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/This period (*) 19/06/2025	Kỳ trước/Last period (**) 18/06/2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued Shares</i>	6,300,000	6,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/CCQ)/ <i>Close Price</i>	10,700	10,700	-
5. Giá trị tài sản ròng/ <i>Net Asset Value</i> :			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	67,604,028,119	67,653,027,566	(48,999,447.00)
của một lô ETF/ <i>per Creation Unit</i>	1,073,079,811	1,073,857,580	(777,769.00)
của một chứng chỉ Quỹ/ <i>per Share</i>	10,730.79811	10,738.57580	(7.78)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Benchmark Index</i> :	2,405.53	2,395.82	9.71

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 18/06/2025/ *Item5 is net asset value calculated as at 18/06/2025*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 17/06/2025/ *Item5 is net asset value calculated as at 17/06/2025*

4

Người được ủy quyền CBTT'

Person authorized to disclose information



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM